

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 11/2018/DS-ST

Ngày 23 -8- 2018

V/v: "Đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Văn Trọng.

2- Bà Huỳnh Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm, kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2017/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2017. Về việc: “Tranh chấp Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Bà Trần Thị Châu P, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*** Bị đơn:**

Ông Trần Văn Châu H, sinh năm 1977, Bà Ngô Bá T, sinh năm 1983. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19 tháng 12 năm 2017, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Châu P trình bày như sau:* Bà P với ông H có quan hệ là chị em ruột, bà P có chiếc xe tải biển số 72C- 09476, ông H có 4 chiếc xe tải khác. Chị em thỏa thuận hợp tác làm ăn bằng hình thức, bà P giao cho ông H quản lý xe và ký hợp đồng vận tải với các công ty, mỗi tháng tính cước phí vận chuyển đối với đầu xe của bà P bao nhiêu thì giữa bà P với ông H đối chiếu, ông H nhận tiền từ công ty trừ các khoản phí còn lại bao nhiêu giao lại cho bà P. Theo bà P nguyên tắc làm ăn gởi đầu 2 tháng, nghĩa là sau khi vận chuyển đến hai tháng sau mới thanh toán cước phí. Trong quá trình làm ăn đến tháng 9/2017 do có mâu thuẫn nên chấm dứt không còn làm ăn nữa, ông H và bà P tính toán các khoản tiền làm ăn được ghi vào giấy tay, nhưng không có khoản tiền cước phí của tháng 7+8/2017, bà P có ký vào giấy. Nội dung bà P có ký nhận số tiền 126.185.470đ, bà P thanh toán lại khoản tiền bà P còn thiếu ông H là 161.250.000đ, bà P phải bỏ tiền ra thêm để trả cho ông H là 41.044.530đ. Tờ giấy tay do bà P cung là do con của bà P tự ghi sao chép lại đúng nội dung tại thời điểm mà bà P ký. Tờ giấy tay do ông H cung cấp chữ ký là của bà P, nhưng nội ông H, bà T tự ghi thêm vào những chữ số như sau : "... Ông Trần Văn Bộ cho Trần Thị Châu P và Trần Văn Châu H mượn số hồng vay (hai tỷ) bà P 1.800.000.000đ (đã trả 200.000.000đ); tính ... thêm; 9/9 cước xe tháng 7: 87.238.792đ; 9/9 cước xe tháng 8: 27.525.800đ = 114.764.592đ cùng chữ ký và họ tên của ông H". Nay, bà P yêu cầu buộc ông H và bà T phải giao lại cước phí vận chuyển đầu xe tải của bà P mà công ty đã giao cho ông H tháng 7+8/2017 làm tròn số là 142.000.000đ, bà P thống nhất với kết quả giám định của Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu không yêu cầu giám định lại.

* Tại Văn bản nêu ý kiến của bị đơn ông Trần Văn Châu H và bà Ngô Bá T, bản khai tiếp theo của người đại diện và tại phiên tòa người đại diện trình bày như sau: Bà T và ông H thống nhất với lời trình bày của bà P về hình thức nội dung hợp tác làm ăn giữa hai bên, về việc thanh toán gởi đầu 2 tháng là không đúng như lời trình bày của bà P, không hẳn là gởi đầu mà tùy vào trường hợp cụ thể có khi tháng sau thanh toán liền tháng trước mà không phải để đến 2 tháng, cước phí vận chuyển được tính giữa ông H và bà P là theo thỏa thuận không theo cước phí vận chuyển của Công ty vì trong cước phí thanh toán thỏa thuận là ông H được hưởng chênh lệch, giao tiền lại cho bà P thấp hơn cước phí Công ty thanh toán. Tháng 9/2017 giữa ông H với bà P không còn hợp tác làm ăn hai bên đã thanh toán dứt điểm tiền nợ với nhau được ghi nhận vào giấy tay ngày 9/9/2017 không ai còn nợ ai, bà P đã ký nhận đủ tiền vào giấy. Nội dung giấy tay đã ghi rõ cước phí tháng 7+ 8/2017 là 114.764.592đ trừ số tiền nợ của bà P là 41.044.530đ còn lại 73.720.062đ ông H đã giao cho bà P, bà P đã ký nhận đủ, giữa ông H với bà P không còn nợ nần gì nhau, nên ông H và bà T không chấp nhận yêu cầu của bà P. Bà P cho rằng ông H, bà T tự ghi thêm các khoản thanh toán tháng 7 + 8/2017 vào giấy là không đúng vì nếu chưa tính cước của tháng 7 + 8 thì bà P còn nợ lại ông H, bà T 41.044.530đ thì còn tiền đâu mà nhận. Thời điểm viết giấy là 2 bên không còn làm ăn nếu chưa thanh toán cước phí tháng 7 + 8 thì tại sao bà P lại chấp nhận ký vào giấy dứt nợ với nhau. Kết luận giám định của Công an tỉnh ông H, bà T không đồng ý nhưng không có yêu cầu giám định lại.

Bị đơn ông H, bà T thống nhất như lời trình bày của người đại diện không bổ sung gì thêm.

* Ý kiến của viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự, cũng như quan điểm về nội dung vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm như sau: Biên bản giao nhận thông báo thụ lý không đúng thời gian trước ngày thụ lý vụ án; Không đưa chồng bà P vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng; Thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, tranh tụng tại phiên tòa do chứng cứ là giấy tay phần tranh chấp là cước phí vận chuyển của tháng 7+8/2017 cơ quan giám định không xác định có phải là viết thêm hay không nên Viện kiểm sát không có ý kiến về nội dung vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Bà Trần Thị Châu P khởi kiện ông Trần Văn Châu H, bà Ngô Bá T đòi tiền cước phí vận chuyển của xe tải, đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự, ông H, bà T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Ông Huỳnh Văn T là chồng của bà P có đơn xin từ chối tham gia tố tụng;

- Về nội dung:

[1] Chứng cứ vụ án là tờ giấy tay do ông H cung cấp ghi ngày 9/9/2017, trong đó có 2 khoản cước phí tháng 7+8, bà P thừa nhận có ký vào giấy nhưng cho rằng ông H, bà T tự ghi thêm do giấy tay chỉ lập 01 bản, ông H và bà T giữ. Kết quả giám định tại kết luận giám định số 65/PC54-Đ3 ngày 06/6/2018 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận: "Nội dung ghi trên tờ giấy có sự viết thêm sau khi có nội dung chữ viết, chữ ký" Kết quả giám định không xác định được khoản tiền ghi cước phí tháng 7+8 ghi trên giấy có phải là viết thêm hay không. Xét tính pháp lý, hình thức và nội dung của chứng cứ là giấy giao nhận tiền, tại kết luận giám định xác định có việc ghi thêm, như vậy nội dung trong tờ giấy được ghi thêm vào; Từ "Đã nhận đủ tiền" và chữ ký của bà P nằm ngang với cước phí của tháng 7+8/2017, nằm dưới số tiền 126.185.470đ nên không có căn cứ xác định bà P ký nhận 2 khoản tiền cước phí tháng 7+8 mà có căn cứ xác định ký nhận khoản tiền 126.185.470đ sau đó bà P thanh toán lại tiền nợ cho ông H như bà P trình bày. Theo ông H và bà T thì hai bên

có sự thỏa thuận, ông H, bà T ứng trước cước phí vận chuyển của tháng 7+8/2017 đối với xe tải của bà P để thanh toán dứt điểm cho bà P tại thời điểm chấm dứt làm ăn, nhưng bà P không thừa nhận, ông H, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho sự thỏa thuận. Tại bảng kê thanh toán tiền cước phí vận chuyển tháng 7 của Công ty N chuyển khoản vào ngày 12/10 và 03/11/2017; tháng 8 chuyển khoản vào ngày 09/11/2017; Của Công ty K thì tháng 7 chuyển khoản vào ngày 14/10/2017, tháng 8 chuyển khoản vào ngày 9/11/2017. Như vậy Công ty thuê vận chuyển thanh toán tiền cước phí vận chuyển của tháng 7 và 8/2017 sau ngày 9/9/2017 nên cước phí vận chuyển tháng 7+8/2017 ghi trên giấy xác định là do ông H, bà T tự ghi thêm, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà P. Tuy nhiên cần phải xem xét lại số tiền theo yêu cầu, tổng số tiền cước phí vận chuyển tháng 7+8/2017 của đầu xe 72C- 094.76 của hai công ty N và K là 142.522.592 đ. Nhưng giữa bà P và ông H có thỏa thuận, ông H được hưởng những chi phí hợp lý về việc giao kết hợp đồng vận chuyển do đó chỉ chấp nhận cho bà P theo số tiền mà ông H và bà T đã tính là 114.764.592đ. Buộc ông H và bà T phải giao số tiền trên cho bà P, không chấp nhận yêu cầu của bà P đối với số tiền chênh lệch là 27.758.000đ.

[3] Về án phí: ông H, bà T phải chịu số tiền án phí là $114.764.000đ \times 5\% = 5.738.200đ$ bà P phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là $27.758.000đ \times 5\% = 1.387.900đ$.

[4] Chi phí giám định là 5.000.000đ bà P đã tạm ứng, kết quả giám định là chứng minh tờ giấy có ghi thêm, nên buộc ông H và bà T phải chịu chi phí giám định, ông H, bà T có nghĩa vụ giao lại chi phí giám định cho bà P.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 271 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 166, 167 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Châu P về việc yêu cầu ông Trần Văn Châu H và bà Ngô Bá T phải giao lại số tiền cược phí vận chuyển là 114.764.592đ (Một trăm mười bốn triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi hai đồng)

Buộc ông Trần Văn Châu H, bà Ngô Bá T có nghĩa vụ phải giao trả cho bà Trần Thị Châu P số tiền là 114.764.592đ. (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi hai đồng)

2- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Châu P về việc yêu cầu ông Trần Văn Châu H, bà Ngô Bá T giao trả số tiền là 27.758.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng).

3 - Về án phí: Bà T, ông H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.738.200đ. (Năm triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn hai trăm đồng) Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.387.900đ (Một triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007574 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, số tiền chênh lệch còn lại là 2.212.100đ (Hai triệu hai trăm mười hai ngàn một trăm đồng) được hoàn trả lại cho bà P.

4- Về chi phí giám định: Buộc ông H và bà T phải giao trả lại cho bà P số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN TIẾN